TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/KDTM-PT
Ngày: 21/02/2024.
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Minh Trang**

Các Thẩm phán: Bà **Phan Thị Hồng Dung**

Bà **Nguyễn Thị Thuỳ Trang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Ban** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Bảo Trân** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2023/TLPT- KDTM.ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"*.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 29/2023/KDTM-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 55/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ2.**

Địa chỉ: C H, phường L, quận H, TP Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền: ông **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1992 và **Nguyễn Ngọc S**, sinh năm 1973 (Có mặt).

- Bị đơn: **Doanh nghiệp tư nhân L**

Trụ sở: C Sông H, phường C, quận N, TP ..

Đại diện theo pháp luật: ông **Huỳnh Tuấn A** – Chủ L. (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **La Hữu Đ**, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số A đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ;

Chỗ ở hiện nay: Số A khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Ông **La Văn N** (đã chết năm 2020)

Địa chỉ: Số A khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông La Văn N:

- Ông **La Hữu Đ**, Bà **La Thị N1**, Ông **La Thành T1**, Ông **La Hữu T2**, Ông **La Thành Đ1** - Cùng địa chỉ: Số A khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Ông **La Thành T3** - Địa chỉ: Số A khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Ông **La Việt K** - Địa chỉ: Số A khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Bà **La Thị Mỹ H** - Địa chỉ: Số A khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Tất cả đều vắng mặt).

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông **La Hữu Đ.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết – đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:**

Ngân hàng TMCP Đ2 (gọi tắt là Ngân hàng) có cho L do ông Huỳnh Tuấn A là chủ doanh nghiệp vay vốn qua các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0436/09/HĐ ngày 19/06/2009, thời hạn vay là 60 tháng, lãi thỏa thuận là 10,5%/năm, ngày giải ngân là ngày 22/6/2009 với số tiền giải ngân là 3.918.272.073 đồng. Hợp đồng tín dụng này phía L đã trả được tiền gốc 3.910.000.000 đồng, lãi đã trả được 1.103.198.301 đồng. Nợ gốc còn lại là 8.272.073 đồng, nợ lãi là 401.588.905 đồng *(lãi trong hạn là 358.641.204 đồng, lãi quá hạn là 42.947.702 đồng).*

- Hợp đồng tín dụng số 0001/11/HĐ ngày 25/01/2011, thời hạn vay là 60 tháng, lãi thỏa thuận là 17,5%/năm, ngày giải ngân là ngày 25/01/2011 với số tiền giải ngân là 1.050.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng này phía L đã trả được tiền gốc 225.000.000 đồng, lãi đã trả được 146.562.500 đồng. Nợ gốc còn lại là 825.000.000 đồng, lãi trong hạn là 1.398.686.500 đồng *(lãi trong hạn là 1.170.017.917 đồng, lãi quá hạn là 228.668.583 đồng).*

- Hợp đồng tín dụng số 0178/11/HĐ ngày 04/03/2011, thời hạn vay là 12 tháng, lãi thỏa thuận là 10,5%/năm, giải ngân 14 lần, ngày cuối cùng là ngày 26/7/2012 với tổng số tiền giải ngân là 16.559.550.000 đồng. Hợp đồng tín dụng này phía L đã trả được tiền gốc 7.410.600.000 đồng, lãi đã trả được 904.661.110

đồng. Nợ gốc còn lại là 9.148.950.000 đồng, lãi trong hạn là 15.193.309.818 đồng *(lãi trong hạn là 12.698.164.230 đồng, lãi quá hạn là 2.495.145.588 đồng).*

Để đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng DNTN Lan A1 đã ký các hợp đồng thế chấp sau:

1. *Hợp đồng thế chấp tài sản số 0004/13/HĐ ngày 25/03/2013 gồm các tài sản*: Canô, hiệu máy YANMAR, số đăng ký CT- 01666 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 01666/ĐK do Sở G cấp ngày 25/01/2006; C, hiệu máy YANMAR, số đăng ký CT- 01555 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 01555/ĐK do Sở G cấp ngày 08/02/2007. Chủ tài sản: L.

2. *Hợp đồng thế chấp tài sản số 0046/2014/1690660/HDBD ngày 05/05/2014 gồm tài sản*: Canô, hiệu máy MERCRUISER, số đăng ký CT-02479 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 02479/ĐK do Sở giao thông công chính thành phố G cấp ngày 16/04/2008. Chủ tài sản: L;

3. *Hợp đồng thế chấp tài sản số 0034/13/HĐ ngày 08/05/2013 gồm các tài sản*: Canô, số đăng ký CT-06660 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 06660/ĐK do Sở G cấp ngày 25/06/2012; Canô, số đăng ký CT-02456 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 02456/ĐK do Sở G cấp ngày 04/02/2008; Canô, số đăng ký CT-06555 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 06555/DK do Sở G cấp ngày 19/07/2011; Canô, số đăng ký CT-06999 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 06999/ĐK do Sở G cấp ngày 28/12/2009; Canô, số đăng ký CT-07666 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 07666/ĐK do Sở G cấp ngày 03/12/2010; Canô, số đăng ký CT-02999 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 02999/ĐK do Sở G cấp ngày 29/09/2010; Canô, số đăng ký CT-01979 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 01979/ĐK do Sở G cấp ngày 23/12/2008; Canô, số đăng ký CT-02345 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 02345/ĐK do Sở G cấp ngày 23/12/2008; Canô, số đăng ký CT-03666 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 03666/ĐK do Sở G cấp ngày 22/08/2008; Canô, số đăng ký CT-01999 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 01999/ĐK do Sở G cấp ngày 16/12/2005; Canô, số đăng ký CT-02262 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 02262/ĐK do Sở G cấp ngày 31/12/2007; Canô, số đăng ký CT-07879 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 07879/ĐK do Sở G cấp ngày 12/09/2011; Canô, số đăng ký CT-07888 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 07888/ĐK do Sở G cấp ngày 12/09/2011; Canô, số đăng ký CT-02333 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 02333/ĐK do Sở G cấp ngày 30/01/2008. Chủ tài sản: L.

4. *Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 0335/09/HĐ, số công chứng 730, quyển số 03/2009/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/10/2009, đăng ký thế chấp ngày 26/10/2009, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 0335-3/13/HĐ ngày 07/3/2013:* Thế chấp QSDĐ số AM 251434 (Vào sổ cấp GCNQSDĐ số H05581.QSDĐ) do UBND quận N cấp ngày 20/11/2008, chỉnh lý sang tên La Hữu Điền ngày 25/5/2009 (thửa đất số 421, tờ bản đồ số 85 tọa lạc tại khu vực 8, phường A, quận N, TP Cần Thơ – diện tích 905m^2 – loại đất CLN (có mộ)).

5. *Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 0336/09/HĐ, số công chứng 731, quyển số 03/2009/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/10/2009, đăng ký thế chấp ngày 26/10/2009:* Thế chấp QSDĐ số N 063617 (Vào sổ cấp số 03668.QSDĐ) do UBND quận N cấp ngày 13/6/2000 do ông La Văn N đứng tên (thửa đất số 268, tờ bản đồ số 85 tọa lạc tại ấp L, xã A, TP Cần Thơ – nay là khu vực 8, phường A, quận N, TP Cần Thơ – diện tích 313,34m^2 – loại đất ODT).

Sau khi vay đối với các hợp đồng tín dụng nêu trên, L chỉ mới thanh toán nợ gốc được 11.545.600.000 đồng, thanh toán nợ lãi được 2.154.421.911 đồng. Tính đến ngày 06/9/2023 còn nợ gốc 9.982.222.073 đồng và nợ lãi chưa thanh toán là 16.993.585.223 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là 14.226.823.350 đồng; lãi quá hạn là 2.766.761.873 đồng).

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc L - ông Huỳnh Tuấn A trả vốn và lãi trong hạn, quá hạn như vừa nêu trên.

- Trường hợp L – ông Huỳnh Tuấn A không thanh toán được nợ cho Ngân hàng, đề nghị tuyên phát mãi các tài sản thế chấp vừa nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

Hợp đồng thế chấp tài sản số 0004/13/HĐ ngày 25/03/2013; Hợp đồng thế chấp tài sản số 0046/2014/1690660/HDBD ngày 05/05/2014; Hợp đồng thế chấp tài sản số 0034/13/HĐ ngày 08/05/2013 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với tài sản thế chấp của bên thứ 3 là Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 0335/09/HĐ, số công chứng 730, quyển số 03/2009/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/10/2009, đăng ký thế chấp ngày 26/10/2009 của ông La Hữu Đ, đề nghị thực hiện theo nghĩa vụ bảo đảm trong hợp đồng thế chấp và đồng ý chừa lại phần diện tích các khu mộ cho gia đình ông Đ quản lý khi phải phát mãi tài sản của ông Đ; Đối với phần tài sản bảo đảm của ông La Văn N là Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 0336/09/HĐ, số công chứng 731, quyển số 03/2009/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/10/2009, đăng ký thế chấp ngày 26/10/2009 có 05 căn nhà trên đất, nguyên đơn đồng ý khi phát mãi tài sản thế chấp sẽ thối lại giá trị các tài sản trên đất khi phát mãi.

**** Bị đơn ông Huỳnh Tuấn A – chủ L trình bày***:

Ông là bị đơn trong vụ tranh chấp hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ2 – Chi nhánh H1. Nay ông trên tinh thần hợp tác, bán tài sản để trả nợ cho Ngân hàng theo các hợp đồng thế chấp tại Ngân hàng. Tài sản thế chấp gồm 16 Canô và quyền sử dụng đất số AM251434 của ông La Hữu Đ, diện tích 905m^2 tại khu vực 8, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ và QSDĐ số N063617, diện tích 313,34m^2 tại ấp L, xã A, thành phố Cần Thơ của ông La Văn N. Đối với các tài sản thế chấp là các Canô hiện nay đang hoạt động kinh doanh đi nhiều địa bàn khác nhau trong một lúc không tập trung về một nơi để thẩm định được. Bị đơn cam kết trả nợ theo hợp đồng tín dụng, theo đơn khởi kiện vốn, lãi như nguyên đơn yêu cầu. Trường hợp không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo tại Cơ quan Thi hành án dân sự theo thẩm quyền. Do điều kiện kinh doanh và gia đình. Ông đại diện pháp luật xin đề nghị được vắng mặt tất cả những lần Tòa án triệu tập làm việc, xét xử.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông La Hữu Đ trình bày***:

Ông là người có nghĩa vụ liên quan đến vụ việc hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp. Ông thế chấp quyền sử dụng đất số AM 251434 (vào sổ cấp số H05581.QSDĐ) do UBND quận N cấp ngày 20/11/2008 để bảo lãnh ký kết giữa L và Ngân hàng Đ2 – Chi nhánh H1 với số tiền vay tối đa là 362.000.000 đồng. Hiện nay Ngân hàng khởi kiện đòi nợ L, ông chỉ nhờ doanh nghiệp vay 500 triệu đồng. Nay ông đề nghị Ngân hàng giảm lãi cho ông.

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng ông La Hữu Đ trình bày: Nay ông yêu cầu được trả toàn bộ nợ gốc của 02 HĐTC của ông và của cha ông là La Văn N, đề nghị Ngân hàng miễn lãi.

Tòa án không hòa giải được nên đưa ra xét xử. Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 29/2023/KDTM-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ2 đối với bị đơn ông Huỳnh Tuấn A – chủ L. Buộc bị đơn ông Huỳnh Tuấn A – chủ L phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ2 tổng số nợ gốc và lãi của 03 hợp đồng tín dụng**,** cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 0436/09/HĐ ngày 19/06/2009: Nợ gốc còn lại là 8.272.073 đồng, nợ lãi tính đến ngày 06/9/2023 là 401.588.905 đồng *(lãi trong hạn là 358.641.204 đồng, lãi quá hạn là 42.947.702 đồng).*

+ Hợp đồng tín dụng số 0001/11/HĐ ngày 25/01/2011**:** Nợ gốc còn lại là 825.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 06/9/2023 là 1.398.686.500 đồng *(lãi trong hạn là 1.170.017.917 đồng, lãi quá hạn là 228.668.583 đồng).*

+ Hợp đồng tín dụng số 0178/11/HĐ ngày 04/03/2011: Nợ gốc còn lại là 9.148.950.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 06/9/2023 là 15.193.309.818 đồng *(lãi trong hạn là 12.698.164.230 đồng, lãi quá hạn là 2.495.145.588 đồng).*

Bị đơn vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo số nợ gốc còn lại của 03 hợp đồng tín dụng tính từ ngày tiếp theo là ngày 07/9/2023 cho đến khi bị đơn trả xong nợ gốc cho nguyên đơn, lãi được tính theo mức lãi của 03 hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp bị đơn ông Huỳnh Tuấn A – chủ L không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng TMCP Đ2 có quyền yêu cầu Thi hành án phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 0004/13/HĐ ngày 25/03/2013 gồm tài sản: Canô, hiệu máy YANMAR, số đăng ký CT- 01666 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 01666/ĐK do Sở G cấp ngày 25/01/2006; C, hiệu máy YANMAR, số đăng ký CT- 01555 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 01555/ĐK do Sở G cấp ngày 08/02/2007. Chủ tài sản: L.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 0046/2014/1690660/HDBD ngày 05/05/2014 gồm tài sản: Canô, hiệu máy MERCRUISER, số đăng ký CT-02479 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 02479/ĐK do Sở G cấp ngày 16/04/2008. Chủ tài sản: L;

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 0034/13/HĐ ngày 08/05/2013 gồm các tài sản: Canô, số đăng ký CT-06660 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 06660/ĐK do Sở G cấp ngày 25/06/2012; Canô, số đăng ký CT-02456 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 02456/ĐK do Sở G cấp ngày 04/02/2008; Canô, số đăng ký CT-06555 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 06555/DK do Sở G cấp ngày 19/07/2011; Canô, số đăng ký CT-06999 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 06999/ĐK do Sở G cấp ngày 28/12/2009; Canô, số đăng ký CT-07666 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 07666/ĐK do Sở G cấp ngày 03/12/2010; Canô, số đăng ký CT-02999 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 02999/ĐK do Sở G cấp ngày 29/09/2010; Canô, số đăng ký CT-01979 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 01979/ĐK do Sở G cấp ngày 23/12/2008; Canô, số đăng ký CT-02345 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 02345/ĐK do Sở G cấp ngày 23/12/2008; Canô, số đăng ký CT-03666 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 03666/ĐK do Sở G cấp ngày 22/08/2008; Canô, số đăng ký CT-01999 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 01999/ĐK do Sở G cấp ngày 16/12/2005; Canô, số đăng ký CT-02262 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 02262/ĐK do Sở G cấp ngày 31/12/2007; Canô, số đăng ký CT-07879 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 07879/ĐK do Sở G cấp ngày 12/09/2011; Canô, số đăng ký CT-07888 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 07888/ĐK do Sở G cấp ngày 12/09/2011; Canô, số đăng ký CT-02333 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 02333/ĐK do Sở G cấp ngày 30/01/2008. Chủ tài sản: L.

Trường hợp bị đơn ông Huỳnh Tuấn A – chủ L không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng TMCP Đ2 có quyền yêu cầu Thi hành án phát mãi đối với 02 hợp đồng thế chấp của bên bảo đảm, cụ thể:

- Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 0335/09/HĐ, số công chứng 730, quyển số 03/2009/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/10/2009, đăng ký thế chấp ngày 26/10/2009 là QSDĐ số AM 251434 (Vào sổ cấp GCNQSDĐ số H05581.QSDĐ) do UBND quận N cấp ngày 20/11/2008, chỉnh lý sang tên ông La Hữu Đ ngày 25/5/2009 (thửa đất số 421, tờ bản đồ số 85 tọa lạc tại khu vực 8, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ – diện tích 905m^2 – loại đất CLN) thực hiện theo nghĩa vụ bảo đảm trong hợp đồng thế chấp và chừa lại phần diện tích các khu mộ cho gia đình ông Đ quản lý khi phải phát mãi tài sản của ông Đ;

- Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 0336/09/HĐ, số công chứng 731, quyển số 03/2009/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/10/2009, đăng ký thế chấp ngày 26/10/2009 là QSDĐ số N 063617 (Vào sổ cấp số 03668.QSDĐ) do UBND quận N cấp ngày 13/6/2000 do ông La Văn N đứng tên (thửa đất số 268, tờ bản đồ số 85 tọa lạc tại ấp L, xã A, thành phố Cần Thơ – nay là khu vực 8, phường A, quận N, tp Cần Thơ – diện tích 313,34m^2 – loại đất ODT) có 05 căn nhà trên đất (*nhà của: N1, T1, K, T3, N*), thực hiện theo nghĩa vụ bảo đảm trong hợp đồng thế chấp và khi phát mãi tài sản thế chấp sẽ thối lại giá trị các tài sản trên đất khi phát mãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí định giá và quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, ngày 21/9/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan ông La Hữu Đ có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại một phần bản án sơ thẩm. Xác định lại cụ thể và miễn trách nhiệm trả tiền lãi đối với phần vốn vay. Số tiền vay được đảm bảo bởi HĐTC QSDĐ số 0335/09/HĐ và HĐTC QSDĐ số 0336/09/HĐ đã được bị đơn trả một phần nên cần phải giảm nghĩa vụ nợ gốc, lãi do các HĐTC này đảm bảo; và cho rằng Toà án cấp sơ thẩm chưa xác định rõ số tiền thối lại giá trị 05 căn nhà trên đất theo giá thị trường cho những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông La Văn N sau khi phát mãi tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông La Hữu Đ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo xin rút lại đối với yêu cầu kháng cáo liên quan đến việc xác định rõ số tiền thối lại giá trị 05 căn nhà trên đất theo giá thị trường cho những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông La Văn N sau khi phát mãi tài sản thế chấp. Chỉ yêu cầu kháng cáo đề nghị ngân hàng giảm lãi cho ông và xin được trả dần số tiền vay mỗi tháng 20 triệu đồng cho đến khi hết nợ vì điều kiện của ông hiện nay khó khăn.

*** *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng nếu không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp. Trong quá trình giải quyết đến nay Ngân hàng không nhận được yêu cầu xem xét giảm lãi và đối với trường hợp này tài sản đảm bảo của ông Đ có giá trị lớn, không thuộc trường hợp được giảm miễn lãi và việc xin trả dần của ông Đ Ngân hàng cũng không đồng ý.

**** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:***

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn kháng cáo của ông La Hữu Đ trong hạn luật định và thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung: Thấy rằng:

Người kháng cáo xin rút lại đối với yêu cầu kháng cáo liên quan đến việc xác định rõ số tiền thối lại giá trị 05 căn nhà trên đất theo giá thị trường cho những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông La Văn N sau khi phát mãi tài sản thế chấp. Đây là sự tự nguyện, không trái quy định của pháp luật vì vậy đề nghị áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 289: Đình chỉ đối với phần yêu cầu kháng cáo.

Đối với các phần khác của bản án nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị có hiệu lực, không đặt ra xem xét lại.

Xét kháng cáo của ông La Hữu Đ về yêu cầu xin giảm lãi và xin trả dần: Cả hai yêu cầu này của ông Đ, Ngân hàng không đồng ý, người kháng cáo không đưa ra được bất cứ chứng từ nào chứng minh cho việc kháng cáo nên không có căn cứ để xem xét nên đề nghị bác kháng cáo;

Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; ý kiến của những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết*: Giữa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế

chấp và hiện nay phía bị đơn không thực hiện việc trả nợ gốc, nợ lãi nên đã phát sinh tranh chấp. Nguyên đơn có đơn khởi kiện nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và bị đơn có địa chỉ trụ sở tại địa bàn quận N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như án sơ thẩm nhận định là phù hợp.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Huỳnh Tuấn A – Chủ L có đơn xin xét xử vắng mặt; những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông La Văn N đã được triệu tập những vắng mặt đến lần thứ 2 do đó Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt những người vừa nêu trên là đúng với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông La Hữu Đ kháng cáo và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng nên được xem xét hợp lệ về mặt hình thức.

Tại phiên toà phúc thẩm, Ông La Hữu Đ xin rút lại đối với yêu cầu kháng cáo liên quan đến việc xác định rõ số tiền thối lại giá trị 05 căn nhà trên đất theo giá thị trường cho những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông La Văn N sau khi phát mãi tài sản thế chấp. Đây là sự tự nguyện, không trái quy định của pháp luật vì vậy đề nghị áp dụng khoản c Khoản 1 Điều 289: Đình chỉ đối với phần yêu cầu kháng cáo như Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về nội dung*:

Việc thỏa thuận số tiền vay theo từng hợp đồng, số tiền giải ngân và số tiền bị đơn đã nhận các bên thống nhất, bị đơn cũng thừa nhận số tiền gốc còn nợ Ngân hàng, do đó yêu cầu của nguyên đơn đối với số nợ gốc và lãi như án sơ thẩm đã nhận định là có căn cứ. Liên quan đến yêu cầu xem xét về gốc lãi của bị đơn đã thực hiện một phần nghĩa vụ cho ngân hàng đã được thể hiện đầy đủ qua bảng chiết tính, tự khai và biên bản phiên toà cùng các chứng từ có liên quan đến các giao dịch khấu trừ nợ, lãi khi bị đơn thực hiện nghĩa vụ hoàn trả một phần tiền. Và kể cả xử lý tài sản đảm bảo: Đối với yêu cầu phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp các bên như nguyên đơn trình bày và bị đơn đồng ý hợp tác bán tài sản để trả nợ nên đối với tài sản là động sản gồm 16 chiếc Canô các bên thống nhất không thẩm định, định giá và sẽ tự thỏa thuận trong giai đoạn thi hành án, đây là sự tự định đoạt của các bên cần tôn trọng. Đối với khu mộ và các căn nhà trên đất Ngân hàng đã tự nguyện đồng ý trừ ra khu mộ không phát mãi, hoàn lại giá trị 05 nhà cho những người trên đất, thống nhất ý kiến của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nên ghi nhận.

Như vậy, các phần nêu trên các bên không có kháng cáo, Viện kiểm sát

không kháng nghị nên không đặt ra xem xét lại, giữ y phần tuyên này.

[4] Để xét kháng cáo phần còn lại liên quan đến việc giảm lãi và xin trả dần bản án phân tích và đánh giá như sau: Án sơ thẩm phân tích cụ thể về lãi suất, mức lãi suất các bên đã thỏa thuận từ 10,5% đến 17,5% một năm, căn cứ áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất không vượt quá 20%/năm, nên việc thỏa thuận mức lãi trên đã đúng quy định. Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận mức lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn là phù hợp điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự nên bản án sơ thẩm xem xét đánh giá phần tiền lãi là có cơ sở để chấp nhận.

Xét kháng cáo của ông La Hữu Đ về yêu cầu xin giảm lãi và xin trả dần:

Cả hai yêu cầu này của ông Đ, Ngân hàng không đồng ý, người kháng cáo không đưa ra được thêm bất cứ chứng từ nào chứng minh cho việc kháng cáo nên không có căn cứ để xem xét. Hơn nữa việc xin trả dần cũng không thuộc thẩm quyền xem xét của Toà án vì vậy nên đề nghị bác kháng cáo; giữ y bản án sơ thẩm như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] *Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm*: Do yêu cầu kháng cáo của ông Đ không được chấp nhận nên phải chịu án phí. Tuy nhiên, do ông là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải chịu.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điểm c Khoản 1 Điều 289 và Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của ông La Hữu Đ về việc yêu cầu xem xét xác định rõ số tiền thối lại giá trị 05 căn nhà trên đất theo giá thị trường cho những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông La Văn N sau khi phát mãi tài sản thế chấp.

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông La Hữu Đ về việc yêu cầu giảm lãi và xin trả dần: Giữ Y bản án sơ thẩm:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ2 đối

với bị đơn ông Huỳnh Tuấn A – chủ L. Buộc bị đơn ông Huỳnh Tuấn A – chủ L phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ2 tổng số nợ gốc và lãi của 03 hợp đồng tín dụng**,** cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 0436/09/HĐ ngày 19/06/2009: Nợ gốc còn lại là 8.272.073 đồng, nợ lãi tính đến ngày 06/9/2023 là 401.588.905 đồng *(lãi trong hạn là 358.641.204 đồng, lãi quá hạn là 42.947.702 đồng).*

+ Hợp đồng tín dụng số 0001/11/HĐ ngày 25/01/2011**:** Nợ gốc còn lại là 825.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 06/9/2023 là 1.398.686.500 đồng *(lãi trong hạn là 1.170.017.917 đồng, lãi quá hạn là 228.668.583 đồng).*

+ Hợp đồng tín dụng số 0178/11/HĐ ngày 04/03/2011: Nợ gốc còn lại là 9.148.950.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 06/9/2023 là 15.193.309.818 đồng *(lãi trong hạn là 12.698.164.230 đồng, lãi quá hạn là 2.495.145.588 đồng).*

Bị đơn vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo số nợ gốc còn lại của 03 hợp đồng tín dụng tính từ ngày tiếp theo là ngày 07/9/2023 cho đến khi bị đơn trả xong nợ gốc cho nguyên đơn, lãi được tính theo mức lãi của 03 hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp bị đơn ông Huỳnh Tuấn A – chủ L không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng TMCP Đ2 có quyền yêu cầu Thi hành án phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 0004/13/HĐ ngày 25/03/2013 gồm tài sản: Canô, hiệu máy YANMAR, số đăng ký CT- 01666 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 01666/ĐK do Sở G cấp ngày 25/01/2006; C, hiệu máy YANMAR, số đăng ký CT- 01555 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 01555/ĐK do Sở G cấp ngày 08/02/2007. Chủ tài sản: L.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 0046/2014/1690660/HDBD ngày 05/05/2014 gồm tài sản: Canô, hiệu máy MERCRUISER, số đăng ký CT-02479 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 02479/ĐK do Sở G cấp ngày 16/04/2008. Chủ tài sản: L;

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 0034/13/HĐ ngày 08/05/2013 gồm các tài sản: Canô, số đăng ký CT-06660 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 06660/ĐK do Sở G cấp ngày 25/06/2012; Canô, số đăng ký CT-02456 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 02456/ĐK do Sở G cấp ngày 04/02/2008; Canô, số đăng ký CT-06555 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 06555/DK do Sở G cấp ngày 19/07/2011; Canô, số đăng ký CT-06999 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 06999/ĐK do Sở G cấp ngày 28/12/2009; Canô, số đăng ký CT-07666 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 07666/ĐK do Sở G cấp ngày 03/12/2010; Canô, số đăng ký CT-02999 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 02999/ĐK do Sở G cấp ngày 29/09/2010; Canô, số đăng ký

CT-01979 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 01979/ĐK do Sở G cấp ngày 23/12/2008; Canô, số đăng ký CT-02345 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 02345/ĐK do Sở G cấp ngày 23/12/2008; Canô, số đăng ký CT-03666 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 03666/ĐK do Sở G cấp ngày 22/08/2008; Canô, số đăng ký CT-01999 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 01999/ĐK do Sở G cấp ngày 16/12/2005; Canô, số đăng ký CT-02262 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 02262/ĐK do Sở G cấp ngày 31/12/2007; Canô, số đăng ký CT-07879 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 07879/ĐK do Sở G cấp ngày 12/09/2011; Canô, số đăng ký CT-07888 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 07888/ĐK do Sở G cấp ngày 12/09/2011; Canô, số đăng ký CT-02333 theo Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 02333/ĐK do Sở G cấp ngày 30/01/2008. Chủ tài sản: L.

Trường hợp bị đơn ông Huỳnh Tuấn A – chủ L không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng TMCP Đ2 có quyền yêu cầu Thi hành án phát mãi đối với 02 hợp đồng thế chấp của bên bảo đảm, cụ thể:

- Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 0335/09/HĐ, số công chứng 730, quyển số 03/2009/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/10/2009, đăng ký thế chấp ngày 26/10/2009 là QSDĐ số AM 251434 (Vào sổ cấp GCNQSDĐ số H05581.QSDĐ) do UBND quận N cấp ngày 20/11/2008, chỉnh lý sang tên La Hữu Điền ngày 25/5/2009 (thửa đất số 421, tờ bản đồ số 85 tọa lạc tại khu vực 8, phường A, quận N, tp Cần Thơ – diện tích 905m^2 – loại đất CLN) thực hiện theo nghĩa vụ bảo đảm trong hợp đồng thế chấp và chừa lại phần diện tích các khu mộ cho gia đình ông Đ quản lý khi phải phát mãi tài sản của ông Đ;

- Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 0336/09/HĐ, số công chứng 731, quyển số 03/2009/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/10/2009, đăng ký thế chấp ngày 26/10/2009 là QSDĐ số N 063617 (Vào sổ cấp số 03668.QSDĐ) do UBND quận N cấp ngày 13/6/2000 do ông La Văn N đứng tên (thửa đất số 268, tờ bản đồ số 85 tọa lạc tại ấp L, xã A, Tp Cần Thơ – nay là khu vực 8, phường A, quận N, tp Cần Thơ – diện tích 313,34m^2 – loại đất ODT) có 05 căn nhà trên đất (*nhà của: N1, T1, K, T3, N*), thực hiện theo nghĩa vụ bảo đảm trong hợp đồng thế chấp và khi phát mãi tài sản thế chấp sẽ thối lại giá trị các tài sản trên đất khi phát mãi.

3. Về án phí kinh doanh thương mại: Bị đơn ông Huỳnh Tuấn A – chủ L phải nộp án phí là 134.975.807 đồng (*Một trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm lẻ bảy đồng*).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ2 được nhận lại 65.337.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 002205, ngày 07/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

4. Về chi phí tố tụng (đo đạc, xem xét thẩm định): Bị đơn phải chịu 6.026.130 đồng (Sáu triệu, không trăm hai mươi sáu nghìn, một trăm ba mươi đồng), nguyên đơn đã tạm ứng nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 6.026.130 đồng (Sáu triệu, không trăm hai mươi sáu nghìn, một trăm ba mươi đồng). Nguyên đơn đã tạm ứng 20.000.000 đồng, nguyên đơn được nhận lại 13.973.870 đồng (Mười ba triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm bảy mươi đồng), nguyên đơn đã nhận xong.

5. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: không ai phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 21/02/2024).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trang

*** Nơi nhận:**
- Đương sự;
- VKSNDTPCT;
- TAND Q. Ninh Kiều.
- Cục THADS Q.Ninh Kiều;
- Lưu (2b).